

Bản án số: 46/2021/HS-ST
Ngày 18/8/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Anh Thiết- Giáo viên trường Trung học phổ thông Chuyên tỉnh Hà Giang ;

2. Ông Trần Quyết Tiến - Giáo viên nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đình Vĩ - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nông Xuân Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HS ngày 12/7/2021, đối với các bị cáo:

1. Sùng Mí D, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn S, xã V, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Vả D, sinh năm 1969 và bà Thò Thị M, sinh năm 1969; vợ: Sùng Thị M, sinh năm 1996; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Có 01 tiền án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2017/HS-ST Ngày 05/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không;

*** Nhân thân:** Ngày 14/01/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 15 năm tù về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2021/HS-ST.

Bị cáo bị bắt ngày 18/4/2020, đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Vàng Xì L (tên gọi khác: không), sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn P, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Vàng Xúa S, sinh năm 1968 và bà Giàng Thị M, sinh năm 1966; vợ là Sùng Thị T, sinh năm 1988; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 01/5/2020, đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng Mí D và bị cáo Vàng Xì L:* Bà Nguyễn Thị Thanh H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Giàng Thị M, sinh ngày 03/7/2000; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Chị Giàng Thị D, sinh ngày 06/5/2003; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Giàng Thị D Bà Nguyễn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. Cháu Vàng Thị X, sinh ngày 08/7/2004; nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Vàng Thị X: Ông Vàng Mí L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

4. Chị Vàng Thị S, sinh ngày 07/5/2001; nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Hà Giang; có mặt.

5. Cháu Vàng Thị M, sinh ngày 04/3/2005; nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Vàng Thị M: Ông Vàng Xì L, sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

6. Chị Giàng Thị M, sinh năm 2002; nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

7. Chị Lầu Thị M, sinh năm 1998; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Vàng Thị M, Vàng Thị X, Vàng Thị S, Giàng Thị M, Lầu Thị M :* Ông Nguyễn Minh H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại Giàng Thị M, Giàng Thị D, Vàng Thị M, Vàng Thị X, Vàng Thị S, Giàng Thị M:* Ông Tạ Ngọc V- Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Tạ V và cộng sự - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Giàng Mí P ; địa chỉ: Tổ 7, phường N,

thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm và thu nhập ổn định nên Sùng Mí D (sinh ngày 01/6/1997, trú tại thôn S, xã V, huyện Đ, tỉnh Hà Giang) và Vàng Xì L (sinh năm 1988, trú tại: Thôn P, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang) cùng đồng phạm đã dùng mạng xã hội và điện thoại, liên lạc, lừa các cô gái nhẹ dạ, cả tin để bán sang Trung Quốc lấy tiền tiêu sài. Trong khoảng năm 2019 và đầu năm 2020, D cùng đồng phạm đã trực tiếp thực hiện sáu vụ, bán 07 nạn nhân trong đó có 02 nạn nhân là người dưới 16 tuổi cư trú tại các huyện Y, M, Đ của tỉnh Hà Giang sang Trung Quốc. Cụ thể:

Vụ thứ nhất:

Khoảng tháng 9/2019, Dính dùng mạng xã hội Facebook kết bạn với một cô gái. D gọi điện qua Messenger cho cô gái này, giới thiệu tên S, nhà ở thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Cô gái giới thiệu tên là Giàng Thị M, nhà ở xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. D xin được số điện thoại của M, gọi điện cho M và muốn đến gặp M, M đồng ý. D gọi điện cho Ly Dũng L, sinh năm 1988, cùng trú tại xã V, huyện Đ (là người cùng thôn, đã được D trao đổi trước về việc D có đầu mối mua người bên Trung Quốc, nếu tìm được người phụ nữ nào thì cùng nhau lừa bán sang Trung Quốc lấy tiền chia nhau), trao đổi về việc đã lừa được 1 cô gái, nhưng không có xe để đến gặp, L đồng ý mượn xe cho D. Ngày 30/9/2019, D và L cùng nhau đến xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Giang để gặp Giàng Thị M. Trên đường đi gặp M, L và D cùng bàn bạc về việc lừa M như thế nào, sau đó L đưa xe cho D đến gặp M, còn L tự đi về nhà. Khi gặp M, D rủ M đi chơi, M đồng ý. D chở M đi thẳng lên thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Theo như kế hoạch đã bàn với L, D gọi điện cho L và mở loa ngoài cho M cùng nghe. L nhờ D lên cửa khẩu lấy tiền làm công bên Trung Quốc cho L, D rủ M cùng đi, M đồng ý. Khi D và M đến cửa khẩu, đợi 20 phút thì có 2 người đàn ông Trung Quốc đến, D rủ M cùng đi sang Trung Quốc, vào nhà ông chủ tên Chá Xì V lấy tiền, M đồng ý. Đi khoảng 30 phút, cả hai đến người nhà đàn ông Trung Quốc, M ngồi ngoài xe đợi, D vào nhà người đàn ông, thỏa thuận bán M với giá 16.000^{NDT}, ông chủ trả trước 10.000^{NDT}, còn 6.000^{NDT} còn nợ chưa trả. Sau đó, D lừa để M ở lại, còn mình đi xe máy về nhà. Sau đấy, D chia cho L 5.000^{NDT}, còn lại D tiêu sài cá nhân hết. Ngày 20/11/2019, Giàng Thị M bỏ trốn về Việt Nam, đến cơ quan Công an tố cáo toàn bộ hành vi phạm tội của Sùng Mí D cùng đồng phạm.

Vụ thứ hai:

Ngày 01/12/2019, Vàng Xì L làm quen được với chị Giàng Thị D, sinh năm 2003, trú tại: Xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Sau một thời gian tán tỉnh, D đồng ý làm người yêu của L, hẹn gặp nhau nhưng D hẹn ngày hôm sau. L thông báo cho Sùng Mí D về việc đã lừa được một phụ nữ, bàn bạc với D cách thức

lừa để bán sang Trung Quốc và hẹn gặp nhau ở ngã ba P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; đồng thời gọi điện thông báo cho Cháng Seo V để hẹn địa điểm giao dịch. Ngày hôm sau L đến S đón D, L nói dối là nhà ở thị trấn P với mục đích đưa D đến P rồi bán sang Trung Quốc. L cho D lái xe (loại xe Honda màu đen trắng, không nhớ BKS) chở L đến thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Một lúc sau D gọi điện thoại, L bật loa ngoài, cố ý cho D nghe thấy để tạo lòng tin, qua điện thoại, Sùng Mí D nhờ L sang Trung Quốc thu nợ hộ D. L đồng ý và nói với D là ông chủ bên Trung Quốc vẫn còn nợ tiền công và bảo D đi cùng sang Trung Quốc để lấy tiền. L chở bị hại D đến ngã ba P thì gặp Sùng Mí D đi xe máy Yamaha (không nhớ BKS) vượt qua đi trước theo hướng đường Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, L đi theo D khoảng 2 giờ thì đến khu vực biên giới (chưa xác định được địa điểm cụ thể) thì dừng xe. L nói dối đi vệ sinh rồi trốn về, còn bị hại D đi theo D đi vào nội địa Trung Quốc. D gọi điện cho ông V đến đón vào nhà ông V để thỏa thuận mua bán. Do buổi tối nên D và bị hại D ngủ lại nhà ông V. Sáng hôm sau bị hại D đòi về nên hủy giao dịch. D cùng bị hại D đi về khu vực biên giới và gọi điện cho L nói là không bán được, L bảo D cứ đợi ở đó, rồi gọi cho một người tên Giàng Chứa V, khoảng 30 tuổi, không rõ địa chỉ và nói địa chỉ để V đưa bị hại D đi bán. Khoảng 20 phút sau, V đến kéo bị hại D đi vào nội địa Trung Quốc, còn Sùng Mí D bỏ về Việt Nam. Bị hại D được Công an Trung Quốc giải cứu trả về Việt Nam, đến cơ quan Công an tố cáo toàn bộ hành vi phạm tội của Sùng Mí D cùng đồng phạm.

Vụ thứ ba:

Do đã có sự bàn bạc từ trước giữa Sùng Mí D, Vàng Xì L và Sùng Mí C (sinh năm 2003, là em trai D), Sùng Mí C có quen biết với Vàng Thị X, sinh năm 2004 và Vàng Thị S, sinh năm 2001 cùng trú tại: Thôn L, xã L, huyện Y, Hà Giang. C gọi điện tán tỉnh và lấy số điện thoại của S gửi cho D, L để tán tỉnh, mục đích lừa để bán sang Trung Quốc, nhưng D, L chưa được gặp S. Vài ngày sau, C gọi điện cho D, L nói là đã lừa được X, S rủ sang Trung Quốc làm thuê, hẹn D, L đến đón C đi đón X, S. Ngày 15/10/2019, L đi xe máy đón C, còn D đi xe máy đi theo sau cùng đi đến thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang để đón X, S. Trước khi đi cả ba cùng thống nhất sẽ đưa người qua thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang để bán, liên lạc trước với ông V, hẹn địa điểm gặp để giao dịch. Do X, S sợ người nhà phát hiện nên giục C đưa đi. L điều khiển xe máy chở C, D chở X, S. D, C, L đưa X, S đến thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, cùng nhau đi qua đường tiểu ngạch qua biên giới vào nội địa Trung Quốc, đi khoảng 10 phút thì gặp ông V đón bằng loại xe ba bánh về nhà ông V. Tại nhà ông V, D và L đã giao dịch bán X và S là 16.000^{NDT}. Sáng hôm sau, D nhận tiền và đi về Việt Nam, chia cho C 5.000^{NDT}, chia cho L 5.500^{NDT}. Ngày 01/12/2019, S, X trốn được về Việt Nam, đến cơ quan Công an tố cáo toàn bộ hành vi phạm tội của Sùng Mí D cùng đồng phạm.

Vụ thứ tư:

Khoảng cuối tháng 10/2019, Sùng Mí C làm quen được với bị hại Vàng Thị M, sinh năm 2005, trú tại: Thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. Sáng 27/10/2019, C hẹn gặp M ở gần nhà M. Sau khi hẹn với M, C gọi điện cho L nói đã lừa được 1 phụ nữ ở xã P, huyện M và bảo L đến đưa C và M đi do C không

có bằng lái xe. L đồng ý và nói chỉ đưa C đến thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. C tiếp tục gọi điện cho D nói về việc trên, bảo D sắp xếp đưa bị hại sang Trung Quốc bán. Khoảng 15 giờ cùng ngày, L đến thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang để gặp C. C bảo L đi trước để dò đường xem có cảnh sát giao thông không, còn C đèo M đi sau. C đi xe máy màu trắng (xe của D) chở M. Khi đi đến thị trấn Đ (ngã ba đường tắt từ thị trấn Đ đi xã S, huyện M) L đi về nhà. C chở M đi từ thị trấn Đ về thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang đi ra biên giới để gặp D tại điểm hẹn. Cả ba để xe ở biên giới, cùng nhau đi bộ vào nội địa Trung Quốc. Đi khoảng 2km thì gặp Cháng Seo V (đầu mỗi mua người ở phía Trung Quốc, D đã gọi điện trước). D và V thỏa thuận bán M với giá 6.000^{NDT}, D chia cho C và L mỗi người 2.000^{NDT}. Đầu tháng 12/2019, bị hại M được giải cứu đưa đến biên giới để tự về Việt Nam, đến cơ quan Công an tố cáo toàn bộ hành vi phạm tội của Sùng Mí D cùng đồng phạm.

Vụ thứ 5:

Ngày 20/11/2019, thông qua mạng xã hội Facebook, Sùng Mí C làm quen được với Giàng Thị M, sinh năm 2002, trú tại: Thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang và xin được số điện thoại của M để gọi điện tán tỉnh. C thông báo cho L biết, đồng thời cho L số điện thoại để L tiếp tục tán tỉnh và lừa M đưa sang Trung Quốc bán. L vẫn lấy tên giả của C là “S”, có nhà ở L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang rồi hứa hẹn sẽ lấy M làm vợ và hẹn ngày 22/11/2019 sẽ đón M đi chơi, M đồng ý. L gọi điện thông báo cho D nói đã lừa được đứa con gái ở M, bảo D hẹn trước với mỗi mua bên Trung Quốc, D gọi điện cho ông V hỏi mua người không, ông V đồng ý mua, D gọi điện lại cho L thông báo ông V đã đồng ý mua người. Sáng 22/11/2019, L và C mỗi người đi một xe máy đến thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang. L gọi điện cho M ra nói chuyện và rủ M đi chơi, M đồng ý. C dựng xe đứng ở gần đấy nhưng không nói chuyện với M. L chở M đi theo hướng xã N đi xã T huyện M, đến xã L huyện Đ, tỉnh Hà Giang đi đường tắt qua xã S, đến thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. C cũng đi cùng L và gọi điện thông báo cho D biết đang đưa M đến để D đến trước chờ, còn C đi về nhà. Đến thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, L đưa M đi ăn phở, sau đó lừa M cùng đi sang Trung Quốc để thu tiền nợ do trước đi làm thuê nhưng ông chủ chưa trả hết tiền, M không đồng ý đi cùng, L nói để M ở đó không yên tâm nên M đồng ý đi cùng. L chở M đến gần trạm kiểm soát biên phòng thì gặp D đang đứng đợi sẵn. Sau đó, D đi xe máy dẫn đường, L chở M đi theo đến khu vực biên giới có đường tiểu ngạch sang Trung Quốc thì dừng xe, D cùng L, M đi bộ vượt biên vào nội địa Trung Quốc. Khi đến đường nhựa thì gặp ông Cháng Seo V đợi sẵn. D và L nói chuyện với ông V bằng tiếng Trung Quốc một lúc thì L lừa M là ông V không mang theo đủ tiền nên phải về nhà ông V lấy rồi cùng M ra xe của ông V đi vào nhà ông V. Ông V trả D và L mua M với giá 12.000^{NDT} và nhất trí đưa D, L ra biên giới sẽ trả tiền. L lừa M là đợi L cùng ông V đi mua điện thoại, ông V đưa D, M ra biên giới nhưng ông V nhận được điện thoại của vợ báo M đã bỏ trốn nên ông V không trả tiền cho D và L nữa. M tại nhà ông V đã gặp Vàng Thị M, sinh năm 2005, trú tại: Thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vàng Thị M nói cho Giàng Thị M biết cũng bị các đối tượng trên lừa sang Trung Quốc bán. Một ngày sau, M thấy cơ quan chức năng của Trung Quốc đến kiểm tra nên đã

chạy theo và được giải cứu cùng Vàng Thị M. Ngày 01/12/2019, Giàng Thị M và Vàng Thị M được trả về Việt Nam, đến cơ quan Công an tố cáo toàn bộ hành vi phạm tội của Sùng Mí D cùng đồng phạm.

Vụ thứ 6:

Khoảng đầu tháng 3/2020, do hết tiền nên Sùng Mí D đã gọi điện cho Thò Mí P, sinh năm 1988, trú tại: Thôn M, xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang hỏi vay tiền. P trả lời không có, rồi bàn với D có đầu mối mua người ở Trung Quốc thì hẹn trước, để P đi tìm và lừa phụ nữ đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền. Ngày 07/3/2020, P gọi điện thoại cho Lầu Thị M, sinh năm 1998, trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang (P là chú họ của M) và hẹn chiều đến gặp M để nói chuyện. Chiều cùng ngày, P đi xe máy một mình đến nhà chồng của M ở thôn C, xã Đ, Y gặp M, nói chuyện với M một lúc thì rủ M đi mua nước, có chuyện gia đình muốn nói, M đồng ý. P đưa M ra trung tâm xã, M hỏi sao không mua nước và bảo P đưa về nhà do M đang bị ốm. P nói với M là đi cùng P ra thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang có việc, rồi P sẽ đưa M đi khám, M đồng ý. P đưa M đi thẳng ra thị trấn Y, rồi rẽ theo đường Y đi huyện Đ, đến xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang thì dừng lại, vào một nhà nghỉ (chưa xác định được địa điểm). M yêu cầu P đưa về thì P nói chồng cũ của M ở Trung Quốc nhờ P đưa M về, nếu M không đồng ý thì sẽ đánh, giết, hoặc đưa sang Trung Quốc lấy chồng khác ở xa hơn, không cho về nữa. Do sợ bị đánh nên M đồng ý. P gọi điện cho D, thông báo đã lừa được M, hẹn ngày 08/3/2020 sẽ đưa M đi sang Trung Quốc. Khoảng 9 giờ ngày 08/3/2020, P gọi điện cho D bảo D đến biên giới chờ sẵn. Do không có xe đi, D gọi điện cho L bảo L đưa đến biên giới thuộc xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang khi về sẽ trả tiền, L đồng ý. L đón D đi theo đường qua Ủy ban nhân dân xã P đến biên giới, gần cột mốc 376/1, thuộc địa phận thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang để chờ P. Khi thấy P chở M đến, D gọi điện cho ông Tráng Seo V nói đã lừa được 1 phụ nữ, hỏi ông V có mua không, ông V đồng ý mua và hẹn gặp ở đường bê tông bên đất Trung Quốc. P, D đưa M đi vào nội địa Trung Quốc, còn L đi về. Ông V mang xe ba bánh đến. Tại đây, D, P và ông V không thỏa thuận được giá cả, ông V bảo về nhà ông V để thỏa thuận tiếp. P lái xe ba bánh chở tất cả mọi người về nhà ông V, trên đường đi bị công an Trung Quốc phát hiện bắt giữ. Quá trình làm việc tại Công an Trung Quốc, D mới biết P và M là người thân của nhau, M nghe và nói được tiếng Trung Quốc khi M và P cãi nhau về việc M bảo P đi từ tối hôm trước nhưng P không đồng ý nên mới bị công an Trung Quốc bắt. D nghi ngờ P và M đã thông đồng với nhau từ trước để lợi dụng D đưa M sang Trung Quốc bán với mục đích để lừa người Trung Quốc. Ngày 03/4/2020, D, P, M được trao trả về Việt Nam, M đã đến công an huyện Y, tỉnh Hà Giang trình báo việc bị D, P lừa bán. Sau khi làm việc với công an, M bỏ đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu, làm gì.

Ngày 10/8/2020, cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định nhập vụ án hình sự số 05/QĐ-CSHS đối với 6 vụ án nói trên, gọi chung là vụ án: Mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi, xảy ra trong năm 2019 và đầu năm 2020 trên địa bàn các huyện Đ, M, Y của tỉnh Hà Giang.

Ngoài 6 vụ án nói trên, quá trình điều tra mở rộng vụ án, các bị cáo còn khai nhận thực hiện các vụ sau:

- Vụ mua bán người do bị cáo Sùng Mí D thực hiện ngày 12/10/2018 tại xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 12/VKSTC-C1 (P8) ngày 05/4/2021 của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Vụ Mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi do bị cáo Sùng Mí D thực hiện khoảng tháng 7/2019 tại xã V, huyện Đ, tỉnh Hà Giang theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 09/VKSTC-C1 (P8) ngày 05/4/2021 của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Vụ việc có dấu hiệu Mua bán người, mua bán người dưới 16 tuổi do bị cáo Sùng Mí D và L thực hiện khoảng tháng 6/2019 tại xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

Cáo trạng số 23/CT-VKSHG-P2 ngày 24/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L về tội "Mua bán người" và "Mua bán người dưới 16 tuổi" theo điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150, điểm c, đ, e khoản 2 Điều 151 của Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa, các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, các bị cáo không bổ sung ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang duy trì quyền công tố tại phiên tòa rút một phần nội dung truy tố các bị cáo về tình tiết định khung "Đối với 02 người đến 05 người" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 150 và điểm c khoản 2 Điều 151 đối với hai bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L phạm tội "*Mua bán người*" và "*Mua bán người dưới 16 tuổi*".

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 150; điểm đ, e khoản 2 Điều 151; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, **điểm h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55** Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sùng Mí D **từ 12 năm đến 13 năm** tù về tội "Mua bán người", **từ 13 năm đến 14 năm** tù về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi", cộng hình phạt chung của hai tội là **25 năm đến 27 năm tù**. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án số 06/2021/HS-ST ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, buộc bị cáo Sùng Mí D phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 18/4/2020).

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 150; điểm đ, e khoản 2 Điều 151; Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vàng Xì L từ **từ 9 năm đến 10 năm** tù về tội "Mua bán người", **từ 12 năm đến 13 năm** tù về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi", cộng hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo phải chấp **hành từ 21 năm đến 23 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 01/5/2021).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 592 của Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tinh thần cho các bị hại phù hợp với quy định.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, đề nghị truy thu số tiền 20.000 CNY= 64.998.000^d(làm tròn) sung vào ngân sách nhà nước do các bị cáo phạm tội mà có, trong đó, D phải truy thu: 12.500CNY= 40.623.000^d, L: 7.500CNY=24.375.000^d.

Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Thanh H bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L trình bày: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, về mức hình phạt đối với các bị cáo và đề nghị miễn án phí cho các bị cáo, do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Về mức bồi thường thiệt hại cho các bị hại: Yêu cầu bồi thường của các bị hại Vàng Thị M, Giàng Thị M là phù hợp nên nhất trí bồi thường; các bị hại Giàng Thị D, Giàng Thị M, Vàng Thị X, Vàng Thị S yêu cầu bồi thường quá cao, không phù hợp với quy định tại Điều 592 của Bộ luật dân sự về mức bồi thường tổn thất về tinh thần, các chi phí khác do các bị hại không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức bồi thường của các bị cáo cho các bị hại trên hợp lý theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Giàng Thị D; Luật sư Tạ Ngọc V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Giàng Thị M, Giàng Thị D, Vàng Thị M, Vàng Thị X, Vàng Thị S, Giàng Thị M và Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Minh H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Vàng Thị X, Vàng Thị S, Giàng Thị M, Lầu Thị M cùng quan điểm trình bày: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo D và bị cáo L với 02 bị hại Vàng Thị M, Giàng Thị M về việc hai bị cáo liên đới bồi thường cho chị M và cháu M mỗi bị hại 10.000.000^d; buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho: Chị Vàng Thị X số tiền: 55.000.000đ; chị Vàng Thị S số tiền: 60.000.000đ; chị Giàng Thị D số tiền 48.000.000^d; chị Giàng Thị M số tiền 30.000.000^d.

Trong phần tranh luận, các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên; lời bào chữa của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung thêm về tội danh, hình phạt. Các bị cáo nhất trí liên đới bồi thường cho bị hại Vàng Thị M, Giàng Thị M mỗi bị hại 10.000.000^d, các bị hại còn lại yêu cầu bồi thường quá cao, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại Giàng Thị D, Vàng Thị M và người đại diện hợp pháp, Giàng Thị M, Lầu Thị M, người đại diện hợp pháp của bị hại Vàng Thị X vắng mặt. Xét thấy các bị hại nêu trên và người đại diện hợp pháp đã có lời khai tại cơ quan điều tra, các bị hại có trợ giúp viên pháp lý và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần 1 vì vắng mặt các bị hại. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về việc định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[4] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thể hiện như: Các biên bản xác định hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường (*bút lục từ 25 đến 83; từ 825 đến 840*); biên bản, bản ảnh bị cáo nhận dạng bị hại, nhận dạng đồng phạm và biên bản, bản ảnh bị hại nhận dạng bị cáo (*bút lục từ 189 đến 192, từ 329 đến 335, từ 338 đến 341, từ 480 đến 488, từ 521 đến 538, từ 724 đến 728, từ 750 đến 761, từ 906 đến 921*)...

[5] Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do hám lời bất chính nên các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L cùng một số đối tượng có hành vi lừa gạt những người con gái nhẹ dạ, cả tin để đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện được hành vi phạm tội, bị cáo D đã gọi điện trao đổi với Cháng Seo V (Cháng Xì V), là người Trung Quốc, được V nhận lời khi nào các bị cáo tìm được con gái, phụ nữ thì đưa các bị hại sang Trung Quốc, V sẽ mua. Cùng phương thức, thủ đoạn thông qua mạng xã hội để làm quen tán tỉnh yêu đương và rủ đi Trung Quốc làm thuê kiếm tiền, các bị cáo đã tìm gặp các bị hại Giàng Thị M, Giàng Thị D, Vàng Thị S, Giàng Thị M, Lầu Thị M để rủ các bị hại đi chơi; đối với bị hại Vàng Thị X, Vàng Thị M vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê, sau đó bị cáo D gọi điện cho Cháng Seo V (Cháng Xì V) và thống nhất giá cả, bán 07 bị hại cho đối tượng V, cụ thể:

[6] Ngày 30/9/2019, D liên lạc gặp chị Giàng Thị M, rủ chị M đi chơi, rủ chị M sang Trung Quốc qua thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang gặp Cháng Seo V tại trấn Đ, huyện M, huyện C, Vân Nam, Trung Quốc và bán chị M cho V với giá tiền 16.000 NDT (Mười sáu nghìn nhân dân tệ), đã nhận 10.000 (Mười nghìn nhân dân tệ) rồi đi về nhà.

[7] Ngày 15/10/2019, Vàng Xì L, Sùng Mí D, Sùng Mí C cùng nhau đón chị Vàng Thị X (sinh năm 2004), chị Vàng Thị S từ xóm T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang mục đích rủ đi sang Trung Quốc làm thuê, chở hai bị hại qua đường biên giới thuộc thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang đưa sang Trung Quốc bán cho Cháng Seo V với giá tiền: 16.000 NDT (Mười sáu nghìn nhân dân tệ) rồi đi về nhà.

[8] Ngày 27/10/2019, Sùng Mí C rủ cháu Vàng Thị M, sinh năm 2005 từ thôn P, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang đi chơi, rồi cùng Vàng Xì L, Sùng Mí D đèo M đi sang Trung Quốc qua đường biên giới thuộc thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang bán M cho Cháng Seo V với giá tiền 6.000 NDT (Sáu nghìn nhân dân tệ) rồi đi về nhà.

[9] Ngày 22/11/2019, Vàng Xì L cùng Sùng Mí C, Sùng Mí D rủ chị Giàng Thị M từ thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Hà Giang đi chơi. L cùng D đưa M sang Trung Quốc qua đường biên giới thuộc thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang bán cho Cháng Seo V nhưng chưa nhận được tiền thì M bỏ trốn và được giải cứu.

[10] Ngày 02/12/2019, Vàng Xì L đi xe máy đón chị Giàng Thị D rủ về nhà L chơi rồi cùng Sùng Mí D đưa chị D sang Trung Quốc qua đường xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, bán chị D cho Cháng Seo V, chưa được nhận tiền thì chị D bỏ trốn về Việt Nam.

[11] Ngày 07/03/2020 Thò Mí P lừa chị Lầu Thị M từ thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang đến xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Sau đó cùng Sùng Mí D đưa chị M sang Trung Quốc qua đường biên giới gần mốc 376/1, thôn K, xã P, huyện Đ, tỉnh Hà Giang bán cho Cháng Seo V, chưa nhận được tiền thì bị Công an Trung Quốc phát hiện, bắt giữ.

[12] Trong số 06 lần các bị cáo lừa 07 bị hại đưa sang Trung Quốc bán, thì có 02 bị hại khi bị bán đều dưới 16 tuổi (cháu Vàng Thị M, sinh năm 2005; cháu Vàng Thị X, sinh năm 2004).

[13] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng sự kém hiểu biết của những người phụ nữ trẻ, nhẹ dạ cả tin để đưa họ sang Trung Quốc bán lấy tiền chi tiêu. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em là khách thể được pháp luật Hình sự Việt Nam bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị giữa 02 nước Việt Nam - Trung Quốc.

[14] Hành vi của các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L đã phạm tội "*Mua bán người*" và "*Mua bán người dưới 16 tuổi*" với tình tiết định khung hình phạt "*Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*", "*Phạm tội 02 lần trở lên*" được quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 150 Bộ

luật Hình sự có khung hình phạt từ 08 (tám) đến 15 (mười lăm) năm tù; điểm đ, e khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 12 (mười hai) đến 20 (hai mươi) năm tù. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

[15] Về vai trò của từng bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội: Trong vụ án này bị cáo Sùng Mí D được đánh giá là người giữ vai trò chính, trực tiếp lừa gạt, dụ dỗ các bị hại Giàng Thị M; trực tiếp giao dịch với đối tượng người Trung Quốc, đưa 07 bị hại sang Trung Quốc bán, được hưởng lợi số tiền 40.623.000^d (Bốn mươi triệu sáu trăm hai ba nghìn đồng chẵn); nên khi quyết định hình phạt cần phải xử lý bị cáo D mức án cao hơn so với bị cáo L và tổng hợp hình phạt đối với các bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[16] Đối với bị cáo Vàng Xì L là người thực hành tội phạm, có sự bàn bạc với bị cáo D, trực tiếp đưa các bị hại D, X, S, Giàng Thị M, Vàng Thị M sang Trung Quốc bán, được hưởng lợi số tiền 24.375.000^d, nên bị cáo cũng phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[17] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Sùng Mí D có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 05/ HS-ST ngày 05/05/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, hình phạt 12 tháng tù. Ngày 29/4/2018, D chấp hành xong hình phạt tù của Bản án trên. Ngày 30/9/2019, D thực hiện hành vi mua bán người, chưa được xóa án tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 của Bộ luật hình sự, do vậy, bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[18] Bị cáo Vàng Xì L không có tình tiết tăng nặng.

[19] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo; là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[20] Về nhân thân: Bị cáo Sùng Mí D trước khi vụ án này được đưa ra xét xử, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng kết án về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi", với mức hình phạt là 15 năm tù. Bị cáo L là người có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật.

[21] Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất mức độ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo để quyết định hình phạt. Các bị cáo D, L cùng với một số đối tượng khác tham gia thực hiện hành vi lừa để đưa 07 bị hại bán sang Trung Quốc, thuộc trường hợp đồng phạm; tuy nhiên, căn cứ vào diễn biến của vụ án thể hiện các đối tượng tham gia thực hiện hành vi phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, cần áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[22] Những năm gần đây, tình hình tội phạm “Mua bán người” tại các huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang ngày một gia tăng, vì vậy cần phải xử lý các bị cáo mức án thật nghiêm khắc; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình

sự về tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, để giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống loại tội phạm này tại địa phương.

[23] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[24] Trong vụ án này còn có các đối tượng khác tham gia thực hiện hành vi phạm tội cùng với các bị cáo D và L, cụ thể:

[25] Đối với Sùng Mí C là người trực tiếp đưa bị hại Vàng Thị X (sinh năm 2004), chị Vàng Thị S, Vàng Thị M sang Trung Quốc bán, sau khi có quyết định khởi tố bị can, C đã bỏ trốn khỏi địa phương; việc truy nã bị can chưa có kết quả nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã tách hành vi của C để xử lý trong vụ án khác là đúng quy định của pháp luật.

[26] Đối với các đối tượng Ly Dũng L, trú tại: Thôn S, xã V, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; đối tượng Giàng Chúa V, nhà ở xã T, huyện Y, tỉnh Hà Giang; đối tượng Thò Mí P, trú tại: Thôn M, xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang hiện nay đang không có mặt ở địa phương, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ sẽ tiếp tục xử lý theo quy định.

[27] Đối tượng Cháng Seo V (Cháng Xìa V), là người Trung Quốc, do các bị cáo, bị hại không cung cấp được thông tin chính xác về tên, tuổi, địa chỉ. Cơ quan điều tra tiếp tục phối hợp với Công an Trung Quốc điều tra, làm rõ, nếu đủ căn cứ sẽ đề xuất xử lý theo quy định.

[28] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra bị hại Giàng Thị M yêu cầu các bị cáo D, L bồi thường cho chị tổng số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) khoản chi phí, công đi tìm. Bị hại Giàng Thị D yêu cầu bồi thường 48.000.000đ, trong đó: Bồi thường danh dự, nhân phẩm 40.000.000^d, công chi phí đi tìm 8.000.000^d. Bị hại Vàng Thị S yêu cầu bồi thường 60.000.000^d, trong đó: Chi phí đi tìm 30.000.000^d, bồi thường danh dự 30.000.000^d. Bị hại X yêu cầu bồi thường 55.000.000^d, trong đó: Chi phí tìm kiếm 25.000.000^d, bồi thường danh dự 30.000.000^d. Bị hại Vàng Thị M yêu cầu bồi thường danh dự, nhân phẩm 10.000.000^d. Bị hại Giàng Thị M yêu cầu bồi thường danh dự nhân phẩm 10.000.000^d. Bị hại Lầu Thị M bỏ đi khỏi địa phương không có yêu cầu bồi thường, xét thấy:

[29] Tại phiên tòa hai bị cáo D, L nhất trí bồi thường danh dự, nhân phẩm cho cháu Vàng Thị M và chị Giàng Thị M mỗi bị hại 10.000.000^d (*mười triệu đồng*), tổng cộng: 20.000.000^d (*hai mươi triệu đồng*). Xét thấy sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của họ trong bản án.

[30] Các bị hại M, D, S, X có yêu cầu bồi thường, nhưng không có chứng cứ chứng minh công truy tìm của gia đình bị hại. Các bị cáo lừa bán các bị hại sang Trung Quốc làm cho các bị hại lo sợ, ảnh hưởng đến tinh thần; căn cứ Điều

48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 592 Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L phải liên đới bồi thường cho các bị hại M, D, S mỗi người là 10.000.000^d; bị hại X, (là người dưới 16 tuổi) là 12.000.000^d, tổng cộng số tiền 42.000.000^d, trong đó bị cáo D phải bồi thường 26.000.000^d, bị cáo L phải bồi thường 16.000.000^d cho các bị hại số tiền tương ứng.

[31] Đối với bị hại Lâu Thị M, trong quá trình điều tra, chị M đã bỏ đi khỏi địa phương, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại. Hội đồng xét xử tách phần dân sự không xem xét. Chị M có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu các bị cáo bồi thường.

[32] Về xử lý vật chứng: Số tiền 32.000 CNY các bị cáo được hưởng lợi, sau khi phạm tội bị cáo Sùng Mí D đã chia cho bị cáo L 7.500CNY, Sùng Mí C 7.000CNY, Ly Dũng L 5.000 CNY, bị cáo D hưởng lợi 12,500 CNY; do đó cần truy thu của các bị cáo D, L để sung vào ngân sách Nhà nước.

[33] Căn cứ vào Văn bản số 651/HAG-TH ngày 05/7/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Giang thể hiện, tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam (VND) so với đồng Nhân dân tệ (CNY) tại thời điểm các bị cáo phạm tội: Ngày 30/9/2019 là: 1CNY = 3.249,61 VND (một CNY đổi được ba nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng sáu hào một xu VND); ngày 15/10/2019 là: 1CNY = 3.241,73 VND (một CNY đổi được ba nghìn hai trăm bốn mươi một đồng bảy hào ba xu VND); Ngày 27/10/2019 là: 1CNY = 3.273,07 VND (một CNY đổi được ba nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng không hào bảy xu VND); do đó số tiền các bị cáo bị truy thu là: Bị cáo D (5.000 x 3.249,61) + (5.500 x 3.241,73) + (2.000 x = 3.273,07) = 16.248.000 + 17.829.000 + 6.546.000 = 40.623.000^d (Bốn mươi triệu sáu trăm hai ba nghìn đồng chẵn); bị cáo L là (5.500 x 3.241,73) + (2.000 x = 3.273,07) = 17.829.000 + 6.546.000 = 24.375.000^d (Hai bốn triệu ba trăm bảy lăm nghìn đồng chẵn) .

[34] Tịch thu tiêu hủy những vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

[35] Đối với ý kiến của Trợ giúp viên Nguyễn Thị H, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Giàng Thị D; Luật sư Tạ Ngọc V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Giàng Thị M, Giàng Thị D, Vàng Thị M, Vàng Thị X, Vàng Thị S, Giàng Thị M; Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Minh H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Vàng Thị X, Vàng Thị S, Giàng Thị M, Lâu Thị M cùng quan điểm về việc đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho chị D số tiền 48.000.000^d, Giàng Thị M số tiền 30.000.000^d, Vàng Thị X số tiền 55.000.000^d, Vàng Thị S số tiền: 60.000.000^d nhưng không có chứng cứ chứng minh các chi phí khác nên chỉ được chấp nhận một phần đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần.

[36] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội,

chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý và bị cáo tại phiên tòa, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L phạm tội "Mua bán người", "Mua bán người dưới 16 tuổi".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 150 ; điểm đ, e khoản 2 Điều 151; Điều 17, 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sùng Mí D; xử phạt bị cáo Sùng Mí D 13 (*Mười ba*) năm tù về tội "Mua bán người", 14(*Mười bốn*) năm tù về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi", tổng hợp hình phạt chung là 27 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp bản án số 06/2021 ngày 14/01/2021 với hình phạt 15 năm tù của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, buộc bị cáo Sùng Mí D phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 18/4/2020).

- Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 150; điểm đ, e khoản 2 Điều 151; Điều 17, 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vàng Xì L, xử phạt bị cáo Vàng Xì L 9 (*Chín*) năm tù về tội "Mua bán người", 12(*Mười hai*) năm tù về tội "Mua bán người dưới 16 tuổi", tổng hợp hình phạt chung là 21 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 01/5/2020).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 585, Điều 586, Điều 587 và Điều 592 Bộ luật Dân sự:

+ Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L liên đới bồi thường cho các bị hại Vàng Thị M và chị Giàng Thị M mỗi bị hại 10.000.000^d (*mười triệu đồng*), tổng là 20.000.000^d (*hai mươi triệu đồng*). Trong đó: Bị cáo Giàng Mí D bồi thường cho chị Vàng Thị M và chị Giàng Thị M mỗi người 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); bị cáo Vàng Xì L bồi thường cho chị Vàng Thị M và chị Giàng Thị M mỗi người 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

+ Buộc các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L phải liên đới bồi thường cho các bị hại Giàng Thị M, Giàng Thị D, Vàng Thị X, Vàng Thị S số tiền là 42.000.000^d (*Bốn hai triệu đồng*), cụ thể:

- Bị cáo Sùng Mí D bồi thường cho chị Giàng Thị M số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

- Bị hại Giàng Thị D số tiền 10.000.000^d(*Mười triệu đồng*). Trong đó: Bị cáo Sùng Mí D bồi thường cho chị Giàng Thị D 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*). Bị cáo Vàng Xì L bồi thường cho chị Giàng Thị D 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*).

- Bị hại Vàng Thị X số tiền 12.000.000^d (Mười hai triệu đồng). Trong đó: Bị cáo Sùng Mí D bồi thường cho chị Vàng Thị X 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Bị cáo Vàng Xì L bồi thường cho chị Vàng Thị X 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

- Bị hại Vàng Thị S số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng). Trong đó: Bị cáo Sùng Mí D bồi thường cho chị Vàng Thị S 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bị cáo Vàng Xì L bồi thường cho chị Vàng Thị S 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, truy thu vào ngân sách Nhà nước số tiền 64.998.000^d (Sáu mươi bốn triệu chín trăm chín tám nghìn đồng chẵn) do các bị cáo Sùng Mí D, Vàng Xì L phạm tội mà có, trong đó: Truy thu của Giàng Mí D số tiền: 40.623.000^d (Bốn mươi triệu sáu trăm hai ba nghìn đồng chẵn); Vàng Xì L: 24.375.000^d (Hai bốn triệu ba trăm bảy lăm nghìn đồng chẵn).

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy những vật chứng sau:

+ 01 chiếc áo phong cộc tay, màu vàng, trước áo ngực có chữ LTD (loại áo nữ), đã qua sử dụng;

+ 01 áo khoác màu hồng (loại áo nữ), đã qua sử dụng;

+ 01 chiếc áo len dài tay, trên áo có dòng kẻ ngang màu đỏ, trắng, đen (loại áo nữ), đã qua sử dụng;

+ 01 chiếc áo khoác dài tay, màu vàng, loại có mũ (loại áo nữ), đã qua sử dụng;

+ 01 chiếc quần dài, loại quần chun, màu hồng, có nhiều hoa văn hình bông hoa màu vàng, xanh, đã qua sử dụng;

+ 01 đôi dép tổ ong bằng nhựa màu trắng, cỡ dép 39, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/5/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC 02, PV 06, PC 11 CA tỉnh Hà Giang;
- Tòa án ND tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Quy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Anh Thiết

Trần Quyết Tiến

Đỗ Thị Kim Quy

